

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 12/2021/TT-BXD VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 02/QĐ-SXD

Ngày 31/08/2021, Bộ Xây dựng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP gồm: Thông tư số 11/2021/TT-BXD, 12/2021/TT-BXD, 13/2021/TT-BXD, các thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **15/10/2021**.

Ngày **11/10/2021**, Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số **149/QĐ-SXD, 150/QĐ-SXD** và **153/QĐ-SXD** đính chính 150/QĐ-SXD công bố đơn giá nhân công và giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng Quý IV năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Với việc ban hành công bố đơn giá nhân công và giá ca máy kịp thời, các đơn vị có thể áp dụng để lập dự toán theo phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình vận dụng định mức công bố theo TT 12/2021/TT-BXD.

Ngày **12/01/2022**, Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số **02/QĐ-SXD, 03/QĐ-SXD** công bố đơn giá nhân công xây dựng và giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Với việc áp dụng quyết định số 02/QĐ-SXD và 03/QĐ-SXD Tổng mức đầu tư xây dựng có thể tăng từ 4-5% tùy quy mô và loại công trình.

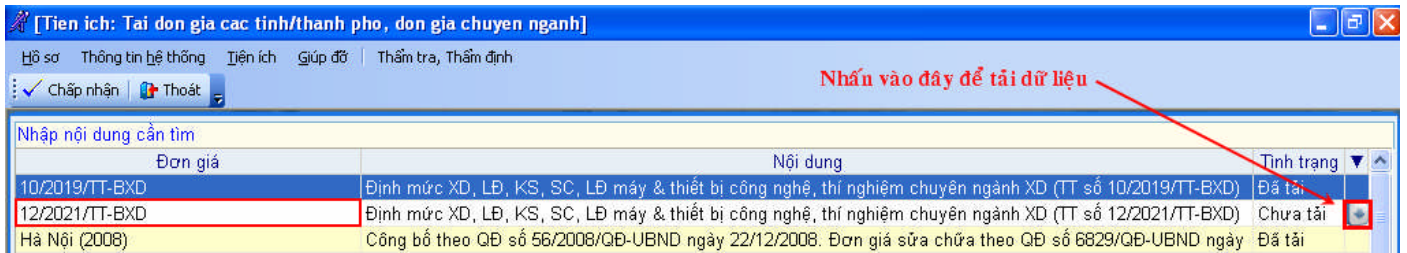
Phần mềm ADTPro phiên bản **12.1.14** phát hành ngày **14/01/2022** đã cập nhật đầy đủ dữ liệu đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2022, nâng cấp chức năng đáp ứng yêu cầu lập dự toán phù hợp Quyết định số **02/QĐ-SXD** và **03/QĐ-SXD**.

Hiện nay, địa phương chưa công bố đơn giá xây dựng công trình theo định mức 12/2021/TT-BXD. Như vậy, để lập dự toán, các đơn vị phải chọn phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình (phương pháp thứ ba khi sử dụng phần mềm ADTPro). Với bất kỳ phương pháp lập dự toán nào, cách nhập giá vật liệu là như nhau, phần sau đây chỉ tập trung hướng dẫn cách xác định đơn giá nhân công, **chọn** giá ca máy và thiết bị thi công công bố theo Quyết định số **02/QĐ-SXD** và **03/QĐ-SXD**.

1. Tải dữ liệu định mức 12/2021/TT-BXD:

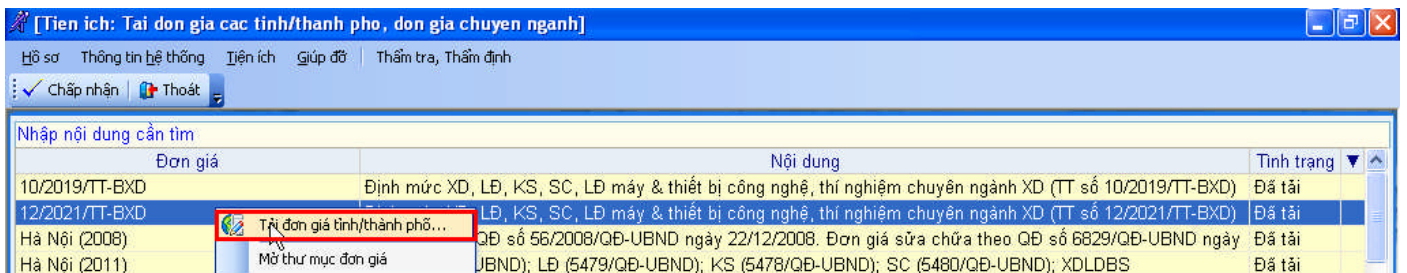
1.1 Tải định mức 12/2021/TT-BXD lần đầu: Trường hợp trên máy tính người dùng chưa tồn tại định mức 12/2021/TT-BXD, thực hiện theo hướng dẫn sau đây:

Từ menu *Tiện ích* → *Tải đơn giá các tỉnh/thành phố*, nhấn nút download để tải về.



1.2 Đã tồn tại định mức 12/2021/TT-BXD: Trường hợp trên máy tính đã tồn tại định mức 12/2021/TT-BXD, người dùng muốn tải lại dữ liệu mới nhất, thực hiện theo hướng dẫn sau đây:

Từ menu *Tiện ích* → *Tài đơn giá các tỉnh/thành phố*, nhấn chuột phải lên dòng dữ liệu định mức 12/2021/TT-BXD chọn **Tải đơn giá tỉnh/thành phố** thực hiện theo chỉ dẫn để dữ liệu.



2. Khai báo đơn giá và phương pháp lập dự toán:

2.1 Trường hợp chuyển tiếp: Thay đổi từ bộ đơn giá xây dựng công trình áp dụng định mức cũ (1776, 1777, 1091, 1172, 588, 235, 1264,..) như bộ đơn giá Lâm đồng, Lâm đồng (2016, 2017, 2018) hoặc định mức 10/2019/TT-BXD sang áp dụng định mức ban hành kèm theo TT số **12/2021/TT-BXD**.

Lưu ý: Trước khi thực hiện thay đổi bộ đơn giá đang áp dụng định mức cũ sang áp dụng định mức 12/2021/TT-BXD, cần phải thực hiện sao lưu dữ liệu công trình cũ (tập tin .dat).

Từ menu *Hồ sơ* → *Đổi tên hạng mục, giá thông báo, PP lập dự toán* chọn **Thay đổi Đơn giá** thực hiện theo chỉ dẫn của phần mềm để chuyển sang áp dụng đơn giá định mức **12/2021/TT-BXD**.


Đổi tên hạng mục, giá thông báo, phương pháp lập hồ sơ dự toán

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC UBND XÃ

Hạng mục: *
Chủ đầu tư:
Địa điểm:
Đơn giá đang sử dụng: 10/2019/TT-BXD **Thay đổi Đơn giá**
Định mức XD, LB, KS, SC, LB máy & thiết bị công nghệ, thí nghiệm chuyên ngành XD (TT số 10/2019/TT-BXD)
Giá tháng: * 12 / 2021

Chọn phương pháp lập dự toán
☐ Bù chênh lệch giá vật liệu
☐ Tổng hợp vật tư và áp giá vật liệu
☒ Đơn giá xây dựng công trình ☐ NC theo đơn giá ☐ Máy theo đơn giá

Tùy chọn khác
☐ Tự động đổi đơn vị: 100 đv --> 1 đv
☐ Sử dụng bê tông thương phẩm (Từ ver 9.6.30 không sử dụng chức năng này)
☐ In phân tích đơn giá chi tiết và Tổng hợp khối lượng trong 1 bảng

Số lẻ thập phân
Khối lượng công tác: 3
Định mức hao phí: 4 Khối lượng hao phí: 4 Khối lượng vật tư: 3

☒ **Chấp nhận**

Tại màn hình Thay đổi đơn giá tỉnh/thành phố đang sử dụng lựa chọn dữ liệu 12/2021/TT-BXD


Thay đổi đơn giá tỉnh/thành phố đang sử dụng

- Chức năng này được thiết kế để hỗ trợ việc thay đổi đơn giá sử dụng cho hạng mục công trình, sử dụng chức năng này trong các trường hợp sau:

- Đã nhập tiên lượng sau đó mới phát hiện đơn giá đang sử dụng không phù hợp.
- Đã có dữ liệu hạng mục công trình thi công trên địa bàn tỉnh/thành phố khác muốn thay đổi cho phù hợp với tỉnh/thành phố muốn lập hồ sơ dự toán mới.

Chọn tỉnh/Thành phố: 12/2021/TT-BXD

Định mức XD, LB, KS, SC, LB máy, thiết bị công nghệ, thí nghiệm chuyên ngành XD (TT số 12/2021/TT-BXD)

☒ **Chấp nhận**

2.2 Trường hợp áp dụng định mức 12 để xác định tổng mức đầu tư cho dự án mới:

Trường hợp tạo hạng mục công trình mới, khai báo đơn giá và phương pháp lập dự toán như hình sau đây:

3. Bảng tổng hợp nhân công (sheet NC): tại sheet NC, nhấn chuột phải chọn “**Tính lương nhân công (TT số 13/2021/TT-BXD)**” như hình sau:

↶	Lấy lại đơn giá nhân công gốc
	Tính lương nhân công (NĐ số 205/2004/NĐ-CP)... F5
	Tính lương nhân công theo công bố... F6
	Đơn giá nhân công theo công bố...
	Tính lương nhân công (TT số 01/2015/TT-BXD; 05/2016/TT-BXD)...
	Tính lương nhân công (TT số 15/2019/TT-BXD)...
	Tính lương nhân công (TT số 13/2021/TT-BXD)...

Tại màn hình tính lương nhân công xây dựng (Thông tư số 13/2021/TT-BXD), nhấn nút **Nhập đơn giá công bố**, chọn tỉnh/TP: **Lâm đồng**, chọn văn bản công bố đơn giá nhân công là **02/QĐ-SXD**, chọn vùng

(địa bàn) như sau:

1. Chọn vùng II (Công trình khu vực thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc).
2. Chọn vùng III (Công trình khu vực huyện Đức Trọng, huyện Di Linh).
3. Chọn vùng IV (Công trình khu vực các huyện còn lại).

Bảng tính lương nhân công xây dựng (Thông tư số 13/2021/TT-BXD)

- Chức năng này cho phép xem và tính đơn giá nhân công xây dựng theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD.
 - Chọn 'Chấp nhận' nếu bạn muốn áp dụng cột giá trị 'Lương ngày công' cho hạng mục công trình hiện tại.

Nhập đơn giá công bố

Mã VLNC: **Nhập đơn giá nhân công theo công bố tính lương ngày công theo TT số 13/2021/TT-BXD**

Chọn tỉnh/TP: **Lâm Đồng** Chọn văn bản: **02/QĐ-SXD** Chọn vùng: **Vùng II**

Vùng II: Thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc
 Vùng III: Huyện Đức Trọng, huyện Di Linh
 Vùng IV: Các huyện còn lại

STT	Mã nhóm		
1	I	I. Nhóm nhân công xây dựng	
2	N1	1. Nhóm I	287.600
3	N2	2. Nhóm II	294.200
4	N3	3. Nhóm III	295.700
5	I.4	4. Nhóm IV	
6	N4	4.1 Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	298.800
7	N4LX	4.2 Nhóm lái xe các loại	298.800
8	II	II. Nhóm công nhân khác	
9	II.1	1. Vận hành tàu, thuyền	
10	T.TR	1.1 Thuyền trưởng	
11	T.PH	1.2 Thuyền phó	
12	T.TH	1.3 Thủy thủ	
13	T.M	1.4 Thợ máy, thợ điện	

Record: 1 of 18

Chấp nhận **Đóng**

Sau khi chọn vùng, phần mềm sẽ tự động cập nhật đơn giá nhân công công bố kèm theo quyết định số **02/QĐ-SXD**, nhấn nút X (close), phần mềm ADTPro sẽ hiển thị kết quả tính toán nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục số IV - Thông tư số 13/2021/TT-BXD.

Bảng tính lương nhân công xây dựng (Thông tư số 13/2021/TT-BXD)

- Chức năng này cho phép xem và tính đơn giá nhân công xây dựng theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD.
 - Chọn 'Chấp nhận' nếu bạn muốn áp dụng cột giá trị 'Lương ngày công' cho hạng mục công trình hiện tại.

Nhập đơn giá công bố

Mã VLNC	Cấp bậc nhân công xây dựng	Hệ số cấp bậc	Đơn giá công bố	Cấp bậc bình quân	Lương ngày công
N121.307.1	Nhân công 3,0/7 - Nhóm I	1,39	287.600	1,52	263.003
N121.307.2	Nhân công 3,0/7 - Nhóm II	1,39	294.200	1,52	269.038
N121.357.2	Nhân công 3,5/7 - Nhóm II	1,52	294.200	1,52	294.200
N121.407.2	Nhân công 4,0/7 - Nhóm II	1,65	294.200	1,52	319.362
N122.357.2	Nhân công 3,5/7 - Nhóm II	1,52	294.200	1,52	294.200
N122.407.2	Nhân công 4,0/7 - Nhóm II	1,65	294.200	1,52	319.362
N122.508	Kỹ sư 5,0/8	1,53	309.200	1,4	337.911
N124.307.1	NCSC - Nhân công 3,0/7 - Nhóm I	1,39	287.600	1,52	263.003
N124.357.1	NCSC - Nhân công 3,5/7 - Nhóm I	1,52	287.600	1,52	287.600
N4970357.2	Nhân công 3,5/7 - Nhóm II	1,52	294.200	1,52	294.200
N4970407.2	Nhân công 4,0/7 - Nhóm II	1,65	294.200	1,52	319.362

Căn cứ in bảng tính lương nhân công:

STT	Nội dung
1	Căn cứ Phụ lục IV - Phương pháp xác định đơn giá nhân công xây dựng
1	

Chọn “**Chấp nhận**” phần mềm ADTPro sẽ đưa kết quả tính lương nhân công vào cột “**Lương ngày công**”.

4. Bảng tổng hợp ca máy (sheet MAY)

Có hai cách xác định giá ca máy để lập dự toán. Tính toán lại giá ca máy theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD và chọn áp giá ca máy theo công bố của địa phương (03/QĐ-SXD).

4.1 Tính giá ca máy theo Thông tư 13/2021/TT-BXD: tại sheet MAY, nhấn chuột phải chọn “**Tính giá ca máy 13/2021/TT-BXD (cột giá gốc)**” như hình sau:

Lấy lại giá ca máy gốc (ban hành kèm bộ đơn giá XDCB)

Giá ca máy theo công bố địa phương (cột giá gốc)...

Tính giá ca máy 06/2010/TT-BXD (cột giá gốc)...

Tính giá ca máy 06/2010/TT-BXD - 01/2015/TT-BXD (cột giá gốc)...

Tính giá ca máy 06/2016/TT-BXD (cột giá gốc)...

Tính giá ca máy 11/2019/TT-BXD (cột giá gốc)...

Tính giá ca máy 13/2021/TT-BXD (cột giá gốc)...

Tra lại MAMAY (13/2021/TT-BXD) để tính giá ca máy

a. Khai báo giá nhiên liệu, năng lượng và hệ số chi phí nhiên liệu phụ:

Nhấn vào **Chọn giá nhiên liệu theo công bố Petrolimex**, tại màn hình chọn giá nhiên liệu, năng lượng, chọn địa bàn áp giá nhiên liệu (tỉnh **Lâm Đồng** thuộc địa bàn **vùng 2**), chọn số QĐ hoặc thông cáo báo chí giá xăng dầu của Petrolimex công bố tại thời điểm lập dự toán.

Giá nhiên liệu, năng lượng

Chọn địa bàn: **Giá áp dụng cho địa bàn vùng 2**
QĐ số 201/PLX-QĐ-TGD ngày 22/06/2015

Chọn số QĐ: **TCBC/11/01/2022**

Petrolimex TCBC giá xăng dầu áp dụng từ 15 giờ 00 ngày 11 tháng 01 năm 2022

Mã nhiên liệu	Tên nhiên liệu	ĐVT	Giá công bố	LPXD	QBOXD	VAT	Giá trước thuế	Ghi Chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]
Diezel	Dầu Diezel	lít	18.590			10	16.900	...
Xang	Xăng	lít	23.610			10	21.464	...
Điện	Điện	Kwh					1.864	...
Mazut	Dầu Mazut	lít	16.680			10	15.164	...

Ghi chú:

- Có thể xác định giá xăng dầu trước thuế theo 1 trong 2 cách sau đây:
- TH1 (Trừ LPXD và QBOXD): $[8] = ([4] - [5] - [6]) / (1 + [7] / 100) + [5] + [6]$
- TH2 (Giá công bố chia cho 1.1): $[8] = [4] / (1 + [7] / 100)$
- LPXD: Lệ phí xăng dầu
- QBOXD: Quỹ bình ổn giá xăng dầu

[Thông cáo báo chí giá xăng dầu Petrolimex](#)

Hệ số chi phí nhiên liệu phụ theo qui định tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD như sau:

Hệ số chi phí nhiên liệu phụ

Xăng:
Diezel:

Điện:

b. Khai báo đơn giá nhân công đầu vào tính giá ca máy:

Nhấn nút **Nhập đơn giá công bố** để nhập đơn giá nhân công công bố tính giá ca máy, thiết bị thi công như hình sau:

Nhập đơn giá nhân công theo công bố tính lương ngày công theo TT số 13/2021/TT-BXD

Chọn tỉnh/TP: **Lâm Đồng**
Chọn văn bản: **02/QĐ-SXD**
Chọn vùng: **Vùng II**

STT	Mã nhóm	Tên nhóm	Đơn giá (đồng/ngày)
1	I	I. Nhóm nhân công xây dựng	
2	N1	1. Nhóm I	287.600
3	N2	2. Nhóm II	294.200
4	N3	3. Nhóm III	295.700
5	I.4	4. Nhóm IV	
6	N4	4.1 Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	298.800
7	N4LX	4.2 Nhóm lái xe các loại	298.800
8	II	II. Nhóm công nhân khác	
9	II.1	1. Vận hành tàu, thuyền	
10	T.TR	1.1 Thuyền trưởng	
11	T.PH	1.2 Thuyền phó	
12	T.TH	1.3 Thủy thủ	
13	T.M	1.4 Thợ máy, thợ điện	

Record: 16 of 18

Sau khi hoàn thành khai báo giá nhiên liệu, khai báo đơn giá nhân công công bố (yêu cầu tối thiểu phải khai báo nhân công nhóm 4.1 và 4.2) và hệ số chi phí nhiên liệu phụ, nhấn **“Tính giá ca máy”**, phần mềm ADTPro sẽ thực hiện tính giá ca máy theo đúng hướng dẫn Thông tư số 13/2021/TT-BXD.

Tính giá ca máy

Lựa chọn in bảng tính giá ca máy:

Chọn kiểu tính

- ☒ Bảng tính ngang
☐ Bảng tính dọc

Hình sau đây minh họa **Bảng giá ca máy, thiết bị thi công** tính toán bởi ADTPro với thông tin đầu vào gồm giá nhiên liệu, năng lượng, mức lương cơ sở đầu vào, hệ số chi phí nhiên liệu phụ và đơn giá nhân công theo công bố tại quyết định số 02/QĐ-SXD.

Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế VAT):

Diezel (đ/lít): 16900 Xăng (đ/lít): 21464 Điện (đ/kWh): 1864,44 Mazut (đ/lít): 15164 **1. Chọn giá nhiên liệu theo công bố Petrolimex**

Lương thợ điều khiển máy thi công:

Nhập đơn giá công bố 2 **In bảng tính lương NC lái máy**

Mã Máy	Tên máy - thiết bị thi công (Theo TT số 13/2021/TT-BXD)	Nguyên giá (1000 đ)	Số ca /năm	Đ. mức KH, SC, CPK	Đ. mức tiêu hao nhiên liệu	Giá ca máy
M101.0101	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 0,40 m ³	809.944	280	17 5,80 5	43,00	1.827.840
M101.0104	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 0,80 m ³	1.183.203	280	17 5,80 5	65,00	2.558.724
M101.0107	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 2,30 m ³	3.258.264	280	16 5,50 5	138,00	5.624.049
M101.0503	Máy ủi - công suất: 110CV	851.855	280	14 5,80 5	46,00	1.836.985
M101.0803	Máy đầm đất cầm tay - trọng lượng: 70 kg	35.771	200	20 5,40 4	4,00	409.824
M102.0106	Cần trục ô tô - sức nâng: 16T	1.556.727	250	9 4,50 5	43,00	2.452.165
M102.0201	Cần cẩu bánh hơi - sức nâng: 6T	629.428	240	9 4,50 5	25,00	1.673.243
M102.0302	Cần cẩu bánh xích - sức nâng: 10T	1.085.398	250	9 4,50 5	36,00	2.096.491
M102.0406	Cần trục thấp - sức nâng: 25T	3.161.607	290	11 3,80 6		3.108.009
M102.0901	Máy vận thăng - sức nâng: 0,8T	187.683	290	17 4,30 5		473.563
M102.0902	Máy vận thăng - sức nâng: 2T	251.200	290	17 4,10 5		547.244
M102.1001	Máy vận thăng lồng - sức nâng: 3T	590.336	290	17 4,10 5		852.791
M103.0703	Máy ép cọc trước - lực ép: 150T	213.021	210	17 4,00 5		717.675
M104.0102	Máy trộn bê tông - dung tích: 250 lít	30.210	185	19 6,50 5		347.144
M104.0202	Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	17.828	170	19 6,80 5		321.206
M106.0101	Ô tô vận tải thùng - trọng tải: 0,5T	106.420	250	18 6,20 6	5,00	529.159
M106.0201	Ô tô vận tải thùng - trọng tải: 2,5T	248.104	260	17 7,50 6	10,00	889.695

Record: 1 of 36

Thành phần - cấp bậc thợ điều khiển máy:

STT	Mã NC	Cấp bậc thợ điều khiển máy	ĐVT	Định mức
1	B1.1.47	Nhân công 4/7 - Nhóm IV	công	1

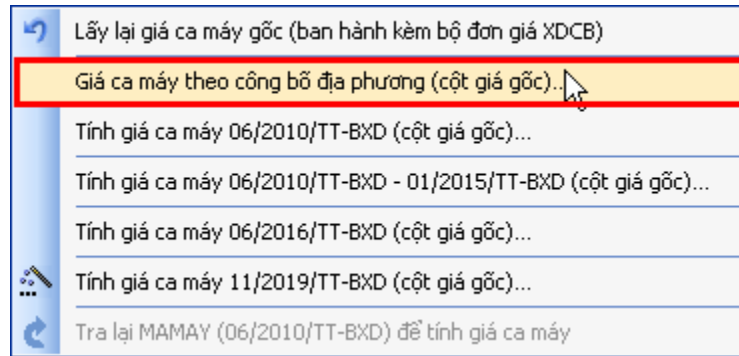
Chọn kiểu tính
☒ Bảng tính ngang
☐ Bảng tính dọc

Hệ số chi phí nhiên liệu phụ
Xăng: 1,02 Diezel: 1,03
Điện: 1,05

3. Tính giá ca máy **4. Chấp nhận** **Đóng**

Nhấn **“Chấp nhận”** phần mềm ADTPro sẽ đưa kết quả tính giá ca máy vào cột **“Giá ca máy”** tại sheet **Máy**, sử dụng giá ca máy này để lập dự toán theo phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình

4.2 Áp giá ca máy theo công bố địa phương: tại sheet MAY, nhấn chuột phải chọn **“Giá ca máy theo công bố địa phương (cột giá gốc)”** như hình sau:



Tại màn hình chọn giá ca máy – thiết bị thi công theo công bố, chọn văn bản công bố giá máy là **03/QĐ-SXD**, chọn mức lương như sau:

1. Chọn mức lương **287.600** (Công trình khu vực II - Thành phố Đà Lạt và Thành phố Bảo Lộc).
2. Chọn mức lương **276.400** (Công trình khu vực III – Các huyện Đức Trọng, huyện Di Linh).
3. Chọn mức lương **266.400** (Công trình khu vực IV - Các huyện còn lại).



Nhấn “**Chấp nhận**” phần mềm ADTPro sẽ đưa giá ca máy do địa phương công bố vào cột “**Đơn giá ca máy – giá gốc**” tại sheet **Máy**, sử dụng giá ca máy này để lập dự toán theo phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình.

Lưu ý:

1. Từ phiên bản **12.1.01** phát hành ngày **10/10/2021**, khách hàng sử dụng phần mềm ADTPro có thể tải dữ liệu định mức **12/2021/TT-BXD** để lập dự toán. Khách hàng đang sử dụng ADTPro phiên bản $\leq 12.1.01$ sẽ không thể áp dụng định mức 12 để lập dự toán/dự thầu.
2. Muốn áp dụng định mức **12/2021/TT-BXD**, cần phải tải dữ liệu định mức 12 về máy tính. Do đó, nếu chỉ cập nhật phiên bản mới mà chưa tải dữ liệu định mức 12, người dùng cũng sẽ không thể áp dụng định mức 12 để lập dự toán/dự thầu.
3. ADTPro phiên bản 12.1.01 trở đi đã hỗ trợ lập dự toán với định mức 12. Các công trình cũ, hạng mục công trình cũ đã lập dự toán với các bộ đơn giá cũ vẫn tiến hành lập dự toán với dữ liệu cũ và hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi định mức 12.
4. Đối với hạng mục công trình áp dụng đơn giá cũ như Lâm đồng, Lâm Đồng (2016, 2017, 2018), hoặc định mức 10/2019/TT-BXD muốn chuyển sang áp dụng định mức 12 cần phải ra lệnh cho phần mềm ADTPro chuyển bằng cách vào menu *Hồ sơ* $\rightarrow$ *Đổi tên hạng mục, giá thông báo, PP lập dự toán* chọn **Thay đổi Đơn giá**, thực hiện theo chỉ dẫn và chọn dữ liệu định mức **12/2021/TT-BXD** (Nếu chưa thấy dòng 12/2021/TT-BXD xem lại mục **1. Tải dữ liệu định mức 12/2021/TT-BXD**).
5. Để phân biệt dữ liệu định mức ban hành kèm theo TT số 10/2019/TT-BXD và định mức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD, dữ liệu sử dụng cho phần mềm ADTPro đã được cập nhật lại hệ thống danh mục vật liệu, nhân công, máy thi công. Ví dụ minh họa cụ thể như sau:
 - **V121.XXXX** là mã vật liệu định mức xây dựng; **V122.XXXX** là mã vật liệu định mức lắp đặt; **V123** là mã vật liệu công tác khảo sát xây dựng,...
 - **N121.307.1** là mã nhân công bậc 3,0/7 - **nhóm 1**; **N121.357.2** là mã nhân công bậc 3,5/7 - **nhóm 2**.
 - **M121.0XXX**, trong đó XXX là STT tương ứng trong bảng giá ca máy ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD. Ví dụ: **M101.0464** - Máy hàn 23 kW, trong đó **464** là STT trong bảng giá ca máy theo TT số 13/2021/TT-BXD. Người sử dụng khi cần tra cứu thông tin loại máy chỉ cần xem STT tương ứng.
6. Với cách đánh lại danh mục mã vật liệu nhân công như trên, bật PTVT, nếu người sử dụng thấy dữ liệu như V24, N24, M24 – đây chính là dữ liệu đơn giá áp dụng định mức cũ (theo NĐ 32/2015/NĐ-CP) hoặc V10, N10, M10 – đây chính là dữ liệu đơn giá áp dụng định mức 10/2019/TT-BXD. Trường hợp bật PTVT, người sử dụng thấy dữ liệu như V121, N121, M121 – đây chính là dữ liệu định mức 12/2021/TT-BXD.
7. Mã hiệu đơn giá định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo TT số 12/2021/TT-BXD gần như tương đồng với định mức TT số 10/2019/TT-BXD.
8. So với dữ liệu định mức 10/2019/TT-BXD, dữ liệu định mức 12/2021/TT-BXD có sự thay đổi mã hiệu đơn giá liên quan đến công tác cấp phối vữa xây và vữa bê tông, giảm 1 số. Ví dụ: AE.11114 - Xây móng đá hộc chiều dày $\leq 60\text{cm}$ vữa vữa XM Mác 75 PCB40 (dữ liệu định mức 10) nếu chuyển sang định mức 12/2021/TT-BXD: AE.11113 - Xây móng đá hộc chiều dày $\leq 60\text{cm}$ vữa XM Mác 75 PCB40.

❧ -/- ❧